

## CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

FRED INGLIS. **Traditional Values.** *Times Higher Education*, 14/3/2013, 5p. <http://www.timeshighereducation.co.uk/features/feature-traditional-values/2002438.article>

NGUYỄN GIANG  
dịch

Kể từ khi Margaret Thatcher tô điểm cho chiến thắng của mình trong cuộc tổng tuyển cử năm 1979 bằng những lời của Thánh Francis vùng Assisi, sự thật đã dần sáng tỏ rằng cuộc đấu tranh giai cấp lâu đời và đậm chất truyền thống của nước Anh xưa đã tự làm mới mình bằng một luồng sinh khí mới – và rằng giai cấp công nhân đã thua cuộc. Cũng kể từ đó, chủ nghĩa công đoàn dần suy yếu, tầng lớp lao động của Anh từ Sheffield đến Fife và Clyde đều bị bỏ mặc không được bảo vệ. Tầng lớp giàu có, được thỏa sức tích lũy của cải thu được từ những thương vụ tài chính lá mặt lá trái, đã phá hỏng những ý tưởng về lợi ích công cộng.

Trong khoảng thời gian hơn 30 năm đó, những lý tưởng cao quý về lợi ích công cộng và phúc lợi xã hội đã bị bỏ mặc cho đến khi nó trở nên mờ nhạt một cách đáng lo ngại và tất cả mọi người đều cho rằng có thể nhìn xuyên thấu qua những lý tưởng đó. Chỉ duy nhất cơ quan Dịch vụ Sức khỏe Quốc gia (NHS) vẫn còn giữ được quyền lực và thiện cảm

của dân chúng, bất chấp việc báo chí lá cải cố gắng tung ra những câu chuyện khủng khiếp để làm xấu đi hình ảnh của NHS, hay việc Chính phủ cố gắng bắt chước những khía cạnh tồi tệ nhất của hệ thống chăm sóc sức khỏe tồi tệ nhất trong nhóm các quốc gia thịnh vượng, là nước Mỹ.

Trong giai đoạn chuyển dịch nhanh chóng này, sau 13 năm cầm quyền của Đảng Lao động, khái niệm “công dân” đã biến mất và bị thế thân bởi những nhân vật tự cho mình là đúng đắn – đầu tiên là vai người nộp thuế và tiếp theo là vai người tiêu dùng. Những nhân vật này tha hồ thoải mái với sự lựa chọn vô nghĩa, bị lôi kéo từ mọi phía và không màng đến cả lý do cũng như sự cần thiết của việc tiêu dùng trong khi tiền lương giảm còn thê tĩn dụng thì oằn xuống dưới sức ép chi tiêu.

Trước hoàn cảnh vô vọng này, những người theo Chủ nghĩa Thatcher đã đổ lỗi cho Chính phủ về tất cả thiếu sót và tai họa trên thị trường. Hiện nay,

sức mạnh to lớn của nó đang trở lại chống lại chính bản thân nó trong một nỗ lực mới và toàn diện nhằm khôi phục lại sức mạnh và phạm vi ảnh hưởng, xóa bỏ sự bảo đảm với cả nước về việc sẽ chăm sóc cho người dân và bảo vệ họ từ lúc sinh ra cho đến tận khi qua đời.

Thomas Hobbes là người đầu tiên đã gắn một khái niệm lý thuyết với hình dạng của Thủy quái Leviathan (trong cuốn sách cùng tên của ông). Theo cách lý giải của nhà sử học Quentin Skinner, Leviathan phục vụ như một “đại diện gìn giữ đạo đức của người dân”. Sau hàng thế kỷ kể từ khi Hobbes nhận ra được một sinh vật có thể kiểm soát bản chất xấu xa của loài người và kìm hãm khuynh hướng tàn bạo và bóc lột của loài người, các quốc gia bắt đầu dựa vào chính phủ để gánh nợ và trả nợ, để khơi mào và tiến hành chiến tranh, để tiếp nhận nhiệm vụ làm giảm bớt những thảm họa kinh tế, để bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất trước những bất hạnh và đau đớn bất ngờ và cũng là để giúp mọi người an cư và đưa họ về nhà an toàn.

Trong một thế giới không ngừng biến đổi, nhiệm vụ quan trọng nhất của các trường đại học công lập là bảo vệ, phê bình và tái dựng những nhiệm vụ và quy định của nhà nước, nhằm xác định những mục tiêu tốt nhất của nỗ lực quốc gia định hình phúc lợi cho người dân của quốc gia đó. Và bằng cách này hay cách khác, với những sự khác nhau của chính bản thân các trường đại học trên quốc gia đó, và trên toàn thế giới, đều tham gia vào vai trò của người kể chuyện. Tổng hợp lại sẽ là câu chuyện về học bổng, sản xuất, phúc lợi xã hội và cuộc sống cá nhân đều đồng hành hòa

hợp để khiến cho tương lai dù ít hay nhiều cũng hiện lên một cách tốt đẹp và liền mạch từ quá khứ.

Ngày nay có lẽ là không phổ biến lắm khi nhắc đến những quan điểm cao quý về trường đại học – ý nghĩa của nó, vấn đề đạo đức, hay chức năng của nó trong một xã hội có tổ chức. Thay vào đó, sẽ luôn có những lời thô lỗ từ phía sau giảng đường cho rằng đây là lúc để các giảng viên làm việc kiếm sống, rằng các trường đại học nên đưa ra nhiều quyền lợi hơn cho các giảng viên, rằng nhiệm vụ có ích duy nhất của họ là khiến cho những sinh viên lười biếng, đua đòi phải trả tiền theo cách mà họ muốn, và làm một điều gì đó để đóng góp vào giá trị GDP.

Cũng sẽ có những lời phản bác từ rất nhiều đối tượng khác nhau. Chẳng hạn như từ một nghiên cứu sinh vật lý tại Royal Society đang sững sờ trước “vật chất tối”, từ một giám đốc viện chăm sóc sức khỏe cố gắng một cách tuyệt vọng để không đánh mất những sinh viên điều dưỡng nước ngoài chịu trả mức học phí cao ngất nhưng lại dễ dàng đánh trượt họ trong kỳ thi, hay từ một vị trưởng khoa truyền thông đang có những sinh viên muốn được thực hành trên đầu kỹ thuật số hơn là những mô lý thuyết không thể tiếp thu được. Mỗi người sẽ nói (bằng những giọng điệu khác nhau như thể trường đại học là sự đa dạng hóa hơn là tháp ngà tri thức) rằng trường đại học không có một mục đích chung hay ngôn ngữ chung nào cả; nó chỉ đơn giản là một nơi mà xã hội dùng để đào tạo những cá nhân tài năng nhằm làm việc một cách tốt nhất. Mô hình dễ dàng nhất cho hoạt động này chính là thị trường. Các thị trường

được đồng nhất không bởi điều gì khác ngoài vị trí địa lý và mục đích lợi nhuận.

Những kẻ thực tế, phàm tục và thô lỗ có thể tìm thấy hình mẫu của mình như trường hợp Thượng nghị sĩ J. Browne, một CEO đã mất chức, hay David Willetts, một người mà trí tuệ uyên thâm và được ngưỡng mộ lại chỉ gói gọn trong tuyên bố ngớ ngẩn của chính mình: “Tôi thừa nhận tội lỗi của mình là đã tin tưởng vào sự lựa chọn và sự cạnh tranh”. Báo cáo của Browne được Bộ trưởng Thương mại Mandelson chỉ định trong những tháng cuối cùng Đảng Lao động cầm quyền và được chấp nhận ngay lập tức, không cần qua phản biện của chính phủ liên minh. Bản báo cáo không chỉ công bố quá trình tư nhân hóa các trường đại học bằng việc tăng mạnh học phí và cắt giảm trợ cấp, mà còn cho thấy một xu hướng quay ngược trở lại thời quá khứ, khi mà đồng tiền (sự chênh lệch giàu nghèo giữa tầng lớp lao động và tầng lớp quý tộc giàu có) quyết định khả năng tiếp cận với các cơ hội nghề nghiệp và bản thân tri thức cũng như việc học hành.

Và đây chính là thời điểm chúng ta cần đến những thống kê mang tính so sánh. Những số liệu này, như nhà nhân chủng học người Mỹ Clifford Geertz đã có lần nhắc đến, có thể không chứng minh được sự thật, nhưng chắc chắn sẽ giúp chỉ dẫn chúng ta đi đúng hướng. Đan Mạch, một quốc gia nhỏ bé, nơi mà có đến 75% sinh viên theo học 2 trường đại học lớn, và là nơi mà nền kinh tế chịu ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của khu vực Eurozone, không hề thu tiền học phí của sinh viên trong khu vực, thậm chí còn cấp học bổng để trợ

cấp tiền ăn ở sinh hoạt của các sinh viên này (Đan Mạch chỉ thu học phí đối với sinh viên đến từ các nước ngoài khu vực Liên minh châu Âu). Tại Hoa Kỳ (vị thành viên Nội các được đào tạo ở Oxford, chỉ biết đến việc nơi đây có các trường đại học tinh hoa nhất, mỗi năm thu đến 40.000 USD tiền phí hướng dẫn) thì 95% sinh viên theo học các trường đại học công ở đây chỉ phải trả một mức trung bình khoảng 3.000 USD mỗi năm. Trong khi đó, con số tính toán này nếu áp dụng tại các trường đại học của chúng ta, tính cả những trường lớn tại phía Bắc, thì chỉ ở mức 16%.

Tất nhiên số lượng sinh viên nộp đơn vào hệ thống các trường đại học Oxford, Cambridge và Bristol, vẫn không hề bị ảnh hưởng. Phần lớn các trường đại học thuộc nhóm xuất sắc đã tồn tại đủ lâu để làm trò với bất kỳ sự phân bổ khoản tiền mới nào: Cụ thể với trường hợp của Oxford và Cambridge, dựa trên sự ưu ái của những cựu sinh viên triệu phú trong Nội các sẽ chỉ thấy thực tế quay trở lại những ngày trước năm 1974, khi mà phụ huynh của những học sinh trường công phải trả học phí còn học sinh trường chuyên thì cầm theo bên mình những tờ séc là học bổng trợ cấp khó khăn của Chính phủ.

Tới đây, chúng ta cũng nên lưu tâm đến cách phản hồi đáng thương hại của các vị hiệu trưởng, những người đứng đầu các trường đại học ngày nay, đối với quá trình tư hữu hóa không thể chối cãi của tổ chức duy nhất trong xã hội có khả năng đưa ra những tiếng nói đạo đức ngay thẳng trong công chúng. Ngài Steve Smith, Hiệu trưởng hiện tại của Đại học Exeter, và từng là Chủ tịch của Hiệp hội các trường đại học Anh quốc

trong một thời gian, thậm chí còn cho công bố một bài luận nhỏ đầy nhu nhược trong tập hợp những bài luận có vẻ mang tính chống đối *Bản tuyên ngôn cho Trường Đại học Công* (A Manifesto for the Public University, 2011), được John Holmwood - học giả xuất sắc của Đại học Nottingham - biên tập. Trong đó, Smith đã nói rằng tất cả là dành cho điều tốt nhất trong những điều tốt nhất có thể, và tất cả các trường đại học có thể sẽ mãi mãi chạy theo đồng tiền.

Đây là những gì chúng ta đang có, ngoại trừ việc mọi thứ đang trở nên tồi tệ hơn bởi những kẻ đang nói thứ ngôn ngữ quản trị khốc liệt với giọng điệu đảm bảo chắc chắn và lặp đi lặp lại. Họ đang làm biến đổi những khái niệm vốn rất quan trọng trong cuộc đời của các học giả và nhà khoa học như “tính nguyên gốc”, “sự độc đáo”, “câu thành ngữ trí tuệ” hay thậm chí “thực tế” và “sự thật”, thành những khái niệm như “ảnh hưởng”, “xuất sắc” (những từ hiện giờ người ta cảm giác như bị vấy bẩn khi nói đến), “nhãn hiệu/thương hiệu” và “những phát hiện cấp bằng sáng chế”.

Những kẻ nói giọng điệu này chính là đồng nghiệp của chúng ta, họ có thể ra lệnh và cai trị mà không hề cần phải to tiếng. Họ bắt chước một cách trung thành những tiếng nói gây phẫn nộ của Chính phủ, và tất cả những kẻ cùng phe với họ vẫn hoàn toàn thờ ơ trước những lời nguyền rủa này.

Mô tả cuộc sống như một tài sản sở hữu chung cũng giống như việc “cuộc đàm thoại của văn hóa” (mượn cách nói của triết gia người Anh Michael Oakeshott) thực hiện theo các quy tắc của rất nhiều loại ngôn ngữ, đã dẫn lối cho đạo đức của một quốc gia. Trò chơi

ngôn ngữ, hay thuật ngữ chuyên ngành của các ngành yêu cầu kỷ luật như lịch sử, hay các ngành đòi hỏi phải sáng chế như y học, hay của các ngành đòi hỏi tính thực tiễn như hoạch định chính sách công, đã cùng nhau tạo dựng nên công thức mà Matthew Arnold đưa ra “những điều tốt nhất đã từng được nghĩ đến và được biết đến”. Và liên quan nhiều hơn đến những gì đang bàn luận tại đây có thể nói là điều tốt nhất có thể được nghĩ đến và biết đến trong thời gian hiện tại.

Nếu điều này khiến chúng ta đi quá xa trong việc tưởng tượng cuộc sống bình thường của một trường đại học, thì hãy nghĩ đến một nhà quản trị đơn độc phải điều hành hoạt động hiệu quả hàng ngày của khoa vật lý, dự định sẽ giữ những nguyên tử cực mạnh được an toàn trong phòng thí nghiệm, trong khi các nhà khoa học khi nghiên cứu lại dự định phá vỡ tất cả các quy định trong việc khám phá.

Hãy nghĩ đến một giảng viên lớn tuổi trong lĩnh vực y tế đang kịch liệt chống lại yêu cầu của người quản lý trẻ măng về cách thức giảng dạy đặc biệt cho một khóa học lại có thể dễ dàng thay đổi ý kiến và được xoa dịu bởi khái niệm “tính đồng nhất”.

Hay chúng ta sẽ xem xét một trường hợp khác. Đó là một giáo sư lịch sử trong một trường học đa sắc tộc và đa ngôn ngữ, cân nhắc nghiên cứu của chính bản thân mình về bản chất của một nước cộng hòa tốt và chờ đợi xem các sinh viên từ Trung Quốc, Venezuela, Nigeria và Scotland sẽ đưa ra những ví dụ gì về Cộng hòa từ những người nông dân Mỹ, Italy vào năm 1776, và từ một người công sản Xô Viết sau Cách mạng 1917.

Hoặc cuối cùng, có thể đồng cảm với một vị hiệu trưởng lớn tuổi, một ai đó có thể quyết định sẽ không nói ra những lời khó hiểu đáng sợ của người đồng nghiệp, khi ông phải đối mặt với thực tế là trong số những đơn đăng ký vào ngôi trường đại học lớn của ông, không có ai đăng ký học văn học cổ điển, chỉ có một người học đạo đức nghề nghiệp (đã đóng cửa ở trường Keele), không ai học nghiên cứu về ung thư, trong khi lại có 70 đơn đăng ký vào quản trị du lịch.

Trong mọi trường hợp, các cuộc hội thoại của văn hóa phải chứng minh là đủ mạnh, bất kể kết quả cụ thể, để khẳng định tính liên tục không chỉ về khía cạnh danh dự, mà còn để đảm bảo rằng các lý tưởng kinh điển của nó tồn tại và kéo dài trong tương lai để trở thành những nguyên tắc sống. Khoa vật lý phải điều chỉnh cho phù hợp giữa sự an toàn chung với những xuyên tạc sai lệch của các giả thuyết; giảng viên y tế phải cương quyết với nhà quản lý trẻ của mình; người ủng hộ chế độ cộng hòa phải tìm thấy trong lịch sử thống khổ một niềm hi vọng chính đáng để gửi đến Thượng Hải hay Glasgow; và với vị hiệu trưởng già đáng thương, liệu ông ta có bị buộc phải đóng cửa khoa văn học cổ điển, hay khoa nghiên cứu ung thư? Nếu xảy ra, điều đó không chỉ có ý nghĩa là trách nhiệm của ông ta đối với địa phương, mà còn là trách nhiệm đối với việc cắt đứt những mạch máu nhỏ trong một cơ thể chính trị hoàn chỉnh.

Ngôn ngữ không chỉ đơn thuần nuôi dưỡng mà còn là hiện thân, đóng vai trò làm vững mạnh thêm cho ý tưởng về trường đại học công lập và tìm cách kéo dài mãi mãi ý tưởng này. Tuy nhiên,

cũng chính ngôn ngữ là thứ đang bị xói mòn và hủy hoại một cách nhanh chóng.

Khi chúng tôi kêu gọi ý tưởng về trường đại học công lập, không cần thiết phải viện ngay đến Hồng y Giáo chủ Newman. Kể từ thời của Đức Ngài, trường đại học đã trở thành một nơi phức tạp và đa sắc màu hơn rất nhiều. Nó đã trở thành một tổ chức mang tính tập đoàn cần thiết (tập đoàn là việc nắm một nguồn lực lớn trong tay và tìm kiếm sự thống trị đối với ngôn ngữ của nó). Tuy nhiên trường đại học cũng là một tổ chức sinh lợi nhuận, sổ sách kế toán phải được giữ cân bằng hoặc nếu không thì sao? Liệu chính phủ có cho phép một trường đại học phá sản và sụp đổ? Cần nhắc lại hoàn cảnh năm 1981, khi mọi thứ bị rối tung vì học thuyết kinh tế của Friedman, thành viên Nội các chính phủ Tory, Ngài Keith Joseph đã tuyên bố rằng, trường đại học không phải là một "tổ chức được tạo ra để kiếm tiền", và cắt giảm ngay lập tức 16% tài trợ của Hội đồng cấp Kinh phí Đại học. Ước tính hiện tại, đóng góp cho nền kinh tế của các trường đại học cũng có thể lên tới con số hàng triệu USD. Tại miền Bắc, các trường đại học công vẫn thường xuyên là nhà tuyển dụng lớn nhất.

Như vậy, cũng có thể nói một cách bóng bẩy, các trường đại học giống như một kẻ hành khất thời gian và đồng thời cũng mang tính địa phương. Một ai đó cũng đã nói, trường đại học là một nơi điều trị, trong đó họ chăm sóc cho toàn bộ người dân và luôn hướng tới những vết thương cũng như những rối loạn của các thành viên; nói cách khác, họ đã chuyển tất cả những bệnh lý của nhân viên và sinh viên thành số liệu nghiên cứu thống kê, tất cả cho một thế giới tốt

đẹp hơn (và cũng là vì khoản trợ cấp nghiên cứu).

Tuy nhiên, Đức Ngài Newman, cho đến giờ vẫn giữ được tiếng nói của mình trong tất cả những tạp âm của văn hóa. Những trường đại học công lập trong những năm đầu hình thành đã lấy hình mẫu từ các trường Oxford, Cambridge, Durham và Edinburgh (các kiến trúc của các học viện Robbins là minh chứng cho sự ảnh hưởng của những trường đại học này). Và điều mà trường đại học công lấy được nhiều nhất từ những hình mẫu này chính là sự nhiệt huyết của công chúng. Những nơi này đã từng có thời chỉ là các lớp học, nhưng đạo đức cao quý của T. H. Grean và lương tâm của những công dân như Henry Sidgwick, John Stuart Mill và R.H. Tawney đã chứng minh cho việc truyền thống lâu đời đã dần được truyền vào những trường đại học công, nơi mà những nhà tư bản trọng công thời Victoria trả tiền cho nó. (Những gì mà chúng ta dễ dàng có được, với một mức giá nào đấy, là trường đại học có thương hiệu – Poppleton Virgin).

Truyền thống này, tại một quốc gia luôn lãnh đạo và bảo thủ như Anh quốc, đã được lựa chọn bởi các trường đại học mới của thành phố và khu vực từ sau năm 1963; và được chọn bởi sự chuyển đổi của các trường bách khoa kiểu cũ. Nó đã định hình, mang đến những thông lệ, luật phát, cách diễn đạt và các quy tắc cho những thành viên của những ngôi trường này. Đây là điều mà truyền thống mang lại. Và điều kỳ quặc là chính Đảng Bảo thủ lại đang gọi lại quá khứ và phá hủy những gì đã được bảo tồn.

Ngay cả trong những vấn đề nội bộ của trường đại học – trong những tranh

luận thường nhật của văn phòng hội đồng, trong khi đánh giá bài luận của sinh viên, trong những luận điểm chặt chẽ của bài nghiên cứu theo nhóm, trong việc kêu gọi những cựu sinh viên ủng hộ cho trường, hay trong việc kiên quyết ngăn chặn sự dư thừa lao động tại trường – người ta cũng có thể nhận thấy rõ những hành động thể hiện đạo đức và nhân cách tốt đẹp mà các trường đại học đang thực hiện.

Tất cả những phẩm cách này đều đang hiện hữu hàng ngày, nhưng có một chút lúng túng khi nói thành lời tất cả những phẩm cách đó. Tuy nhiên, việc gọi tên một cách thiêng liêng là cần thiết nếu chúng ta đang phải đối mặt với những kẻ phàm tục đang bị đồng tiền làm cho mờ mắt và bè lũ tay sai của chúng (theo như cách gọi của nhà sử học Richard Drayton). Alasdair MacIntyre nói cho chúng ta biết rằng, trong cái thời khắc khi mà các tiếng nói đạo đức cạnh tranh mạnh mẽ với nhau, cuộc sống của một con người, hay một tổ chức sẽ chỉ đồng nhất và có ý nghĩa khi họ sống đúng theo những phẩm cách đạo đức mà họ có. Những phẩm cách này phải được lấy, được dạy và được thực hiện bởi một truyền thống đạo đức còn đủ sức sống để có thể lan truyền nhanh chóng.

Khi một truyền thống vẫn đang sống, đang tồn tại, nó sẽ định hình câu chuyện cuộc sống của rất nhiều chủ thể, để mỗi chủ thể lại đạt tới một sự đồng nhất, và thậm chí có thể trở nên rất tốt đẹp. Có một chút ngưng ngừng nhưng lại hoàn toàn là sự thực khi nói rằng cuộc sống tập thể của một trường đại học, với những tòa nhà, hàng cây và những bãi cỏ (tôi đang nghĩ đến Goldsmiths, Đại học London chứ không

phải Trinity College Cambridge), những hoạt động nội bộ của trường, những chương trình giảng dạy và các hội đồng tại trường, những thành viên của trường từ người gác cổng, cho tới giảng viên, nhân viên bảo vệ, trợ lý phòng thí nghiệm, kỹ thuật viên, người lau dọn, thậm chí cả hiệu trưởng, tất cả đã định hình và tái định hình chính bản thân nó thành một tuyệt tác nghệ thuật.

Những thành quả mà các trường đại học này đạt được, theo như lời của vị tiên tri, đó là: giữ nguyên vẹn các học bổng, tôn vinh hiện thực, xác định sự thật, nuôi dưỡng sự hồ nghi, bảo vệ cuộc sống, canh giữ nền văn hóa, hình dung ra lợi ích công cộng, định nghĩa công lý, cứu giúp lòng từ bi,... Và tôi nên tạm dừng tại đây trước khi trở thành một kẻ tâng bốc và xu nịnh. Nhưng quả thật, danh sách những điều tốt đẹp mà trường đại học mang lại sẽ kéo dài mãi mãi đến vô tận, và sẽ chỉ dừng lại nếu có ngày tận thế xảy ra.

Nếu thực sự quan tâm đến vấn đề này, người ta cần hành động không chỉ như một phần tốt đẹp nhất của tinh thần

dân tộc với cái tôi luôn biến đổi, mà còn phải hành động như lương tâm của cả quốc gia, chứ không để chính phủ hành động một mình. Người dân của một quốc gia, làm thế nào để sống tốt và hành động đúng đắn, sẽ được phán xét, tư vấn và thay đổi bởi các yêu cầu và kết luận khác nhau của những trường đại học của quốc gia đó. Những cơ quan tư vấn chính sách (think tanks) không phù hợp để làm nhiệm vụ này, bởi chúng được tạo lập dựa trên cơ sở đảng phái, và chỉ kéo dài trong một vài ngày. Trong khi đó, trường đại học, về mặt bản chất, lại được tạo lập dựa trên niềm tin của nhân dân. Nó không thể là cơ chế để kiếm tiền, ngay cả khi nhà nước cần trường đại học sinh lợi nhuận. Một trường đại học, ngay cả trong những trường hợp thông thường nhất, chính là nơi giao thoa gặp gỡ giữa những người biết và được biết, những người đã có kiến thức và những người sẵn sàng học hỏi kiến thức đó. Và chính trong khuôn khổ đó, các trường đại học đã hé lộ ra những phẩm cách hết sức đáng quý của chính mình □